TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Long Biên
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1984
HKTT: Thôn Tân Hương, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Xuân D - Sinh năm: 1986
HKTT: Thôn Tân Hương, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/10/2018 và tại phiên tòa chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2007 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh D lại có tính hay chơi bời bài bạc và trai gái, mỗi lần chị khuyên can thì anh D lại chửi bới và xúc phạm chị. Không chịu được cuộc sống như vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thùy Duyên, sinh ngày 28/11/2007 và Bùi Ngọc Thảo, sinh ngày 21/03/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được

trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và giao cháu Duyên cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Xuân D hai lần để làm bản tự khai nhưng anh D đều vắng mặt nên không có lời khai của anh D trong hồ sơ vụ án. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D. Về con cái giao cháu Bùi Thị Thúy Duyên cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Thảo, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2007 tại UBND xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên sảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và được bố đẻ của anh D là ông Bùi Trường Sinh và UBND xã Thành Mỹ xác nhận. Mặc dù anh D được thông báo hợp lệ đến để làm bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt. Chứng tỏ anh D không còn tha thiết cuộc sống hôn nhân với chị H nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân D để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân D có hai con chung là cháu Bùi Thị Thúy Duyên, sinh ngày 28/11/2007 và Bùi Ngọc Thảo, sinh ngày 21/3/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thảo và giao cháu Duyên cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, cháu Thảo đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu Duyên lớn hơn

và bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Thảo cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân D.

Về con cái: Giao cháu Bùi Ngọc Thảo, sinh ngày 21/03/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao cháu Bùi Thị Thúy Duyên, sinh ngày 28/11/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh D có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003444 ngày 24/9/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh D. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Hà Long Biên	**Quách Thị Tình**	**Phạm Văn Hùng**